SỞ GD&ĐT LONG AN
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày tháng 8 năm 2024

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 CHỌN MÔN HỌC, NĂM HỌC 2024-2025
HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NHÓM XH1: Địa lí, GDKT&PL, Công nghệ (trồng trọt), Tin học;
CĐ: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí

STT	Họ và tên		Ngày sinh	NV	Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	KQ	Ghi chú
1	Lê Trần Thanh	Thy	24/06/2009	1	8.5	9	4	21.5	XH1	
2	Võ Huy	Thái	18/02/2009	1	8.5	6.5	8	23	XH1	
3	Trần Nguyễn Bích	Ngọc	09/06/2009	1	8.5	8.25	6.75	23.5	XH1	
4	Trương Lượng Kiều	Oanh	25/03/2009	1	8.5	6.5	7.25	22.25	XH1	
5	Nguyễn Thị Hồng	Lam	07/12/2009	1	8.5	9.25	6.5	24.25	XH1	
6	Phan Hồng	Dịu	27/09/2009	1	8.25	8.75	7	24	XH1	
7	Lê Chí	Khánh	12/04/2009	1	8.25	7	6.75	22	XH1	
8	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	05/05/2009	1	8.25	4.5	4.25	17	XH1	
9	Nguyễn Ngọc Lan	Hương	23/07/2009	1	8.25	9.5	7.5	25.25	XH1	
10	Phạm Ngọc Thiên	Hương	20/11/2009	1	8	5.5	6.5	20	XH1	
11	Nguyễn Ngọc Kim	Hồng	15/12/2009	1	8	5.75	7.5	21.25	XH1	
12	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/11/2009	1	8	7.25	7.25	22.5	XH1	
13	Nguyễn Hồ Mỹ	Hân	25/05/2009	1	8	7.25	7	22.25	XH1	
14	Lê Trang	Thanh	08/08/2009	1	8	4.5	7	19.5	XH1	
15	Phan Nguyễn Như	Ý	28/12/2009	1	8	3.25	4.5	15.75	XH1	
16	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	20/08/2009	1	7.75	4.25	6.25	18.25	XH1	
17	Phạm Phương	Quyên	04/11/2009	1	7.75	8	6	21.75	XH1	
18	Trương Hoàng Diễm	Ngọc	31/10/2009	1	7.75	7.75	4.75	20.25	XH1	
19	No	Ry	23/02/2009	1	7.75	2.25	3.5	14.5	XH1	
20	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/05/2009	1	7.75	6.25	8.25	22.25	XH1	
21	Võ Phụng	Nhi	26/10/2009	1	7.75	7.5	4.75	20	XH1	
22	Phan Thị Thúy	An	30/06/2009	1	7.75	5	3.75	16.5	XH1	
23	Lại Đoàn Mỹ	Hoa	06/08/2009	1	7.75	5.25	6.75	19.75	XH1	
24	Trần Nguyễn Ngọc	Ân	23/03/2009	1	7.75	8.75	6.75	23.25	XH1	
25	Trương Thị Hồng	Phúc	22/02/2009	1	7.75	7.25	6.25	21.25	XH1	
26	Nguyễn Lê Bảo	Uyên	31/07/2009	1	7.5	6.75	6.25	20.5	XH1	
27	Trần Ngọc Thảo	Ngân	17/03/2009	1	7.5	6.25	5	18.75	XH1	
28	Trần Quỳnh	Anh	08/07/2009	1	7.5	6.5	7.25	21.25	XH1	
29	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	07/07/2008	1	7.5	4.5	6.75	18.75	XH1	
30	Nguyễn Hồ Phương	Vy	25/11/2009	1	7.5	8.25	6.25	22	XH1	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	NV	Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	KQ	Ghi chú
31	Nguyễn Phương Yến	Nhi	13/06/2009	1	7.5	5.25	6.25	19	XH1	
32	Trần Đặng Ngọc	Nhi	07/01/2009	1	7.5	5.75	3	16.25	XH1	
33	Bùi Ngọc Phương	Thảo	17/08/2009	1	7.5	8	5.75	21.25	XH1	
34	Bùi Quốc	Hưng	14/09/2009	1	7.5	9.5	7	24	XH1	
35	Phan Lê Anh	Kiệt	20/08/2009	1	7.5	5.5	6.5	19.5	XH1	
36	Kiều Bảo	Anh	12/09/2009	1	7.5	8.25	6.25	22	XH1	
37	Lê Nhã	Trân	08/07/2009	1	7.5	3.75	3	14.25	XH1	
38	Bùi Thị Yến	Nhi	30/12/2009	1	7.25	5	7.25	19.5	XH1	
39	Trương Ngọc Vân	Anh	05/05/2009	1	7.25	6	7	20.25	XH1	
40	Lê Hoàng	Lâm	29/05/2009	1	7.25	3.5	5.25	16	XH1	
41	Nguyễn Đắc	Lộc	25/01/2009	1	7.25	6.5	2.75	16.5	XH1	
42	Trần Ngọc Bảo	Thy	13/01/2009	1	7.25	8	6.25	21.5	XH1	
43	Võ Nguyễn Thảo	Vy	17/02/2009	1	7.25	6.5	5.5	19.25	XH1	
44	Cao Phạm Phương	Thảo	29/06/2009	1	7.25	6.5	5.75	19.5	XH1	
45	Bùi Nguyễn Hải	Yên	10/07/2009	1	7	5.5	7.25	19.75	XH1	
46	Trần Thị Gia	Linh	10/09/2009	1	7	7.25	7.25	21.5	XH1	
47	Trương Yến	Ngọc	25/05/2009	1	7	7	6.75	20.75	XH1	
48	Phan Thị Hồng	Cẩm	09/06/2009	1	7	4.5	6.25	17.75	XH1	
49	Nguyễn Phương	Thảo	25/07/2009	1	7	5.5	6.75	19.25	XH1	
50	Phạm Thị Anh	Thy	05/07/2009	1	7	3.75	6.25	17	XH1	
51	Nguyễn Phạm Xuân	Tuyền	01/08/2009	1	7	4.25	4.25	15.5	XH1	
52	Nguyễn Minh	Triết	21/01/2009	1	7	9	7.5	23.5	XH1	
53	Lâm Thanh Trọng	Duy	10/05/2009	1	7	5	7.5	19.5	XH1	
54	Lê Thái	Khoa	20/05/2009	1	7	3	6	16	XH1	
55	Huỳnh Lê Thiện	Tâm	25/06/2009	1	6.75	6	7	19.75	XH1	
56	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/10/2009	1	6.75	8.25	6	21	XH1	
57	Trần Châu Công	Tuấn	27/01/2009	1	6.75	3	5	14.75	XH1	
58	Đoàn Huỳnh Minh	Thư	06/03/2009	1	6.75	6.5	4.5	17.75	XH1	
59	Nguyễn Hoàng	Huy	03/09/2009	1	6.75	4	3.75	14.5	XH1	
60	Phạm Thị Quyển	Nghi	23/09/2009	1	6.75	7.75	5	19.5	XH1	
61	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	15/02/2009	1	6.75	7.5	7.5	21.75	XH1	
62	Phan Nguyên	Vũ	07/01/2009	1	6.75	7.25	6.5	20.5	XH1	
63	Lê Thị Kim	Anh	09/08/2009	1	6.75	8	4.5	19.25	XH1	
64	Nguyễn Nhật	Hoàng	10/02/2009	1	6.75	8.25	4.25	19.25	XH1	
65	Phạm Thị Ngọc	Trâm	29/11/2009	1	6.75	5.25	4.25	16.25	XH1	
66	Trần Hoàng Phương	Nam	30/05/2009	1	6.5	4.75	8.25	19.5	XH1	
67	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	10/01/2009	1	6.5	8.25	6.75	21.5	XH1	
68	Nguyễn Quốc	Tuấn	08/05/2009	1	6.5	5	4	15.5	XH1	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	NV	Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	KQ	Ghi chú
69	Trần Thị Mỹ	Hằng	24/06/2009	1	6.5	6.5	3	16	XH1	
70	Nguyễn Nhật	Tân	03/09/2009	1	6.5	2.25	7	15.75	XH1	
71	Hà Bảo	Lâm	09/04/2009	1	6.5	7	7	20.5	XH1	
72	Nguyễn Dương Trúc	Huỳnh	03/04/2009	1	6.5	5	6.25	17.75	XH1	
73	Trần Bảo	Thy	28/02/2009	1	6.5	7	5	18.5	XH1	
74	Nguyễn Thị Kiều	Vy	09/05/2009	1	6.5	6.5	4.5	17.5	XH1	
75	Lê Nguyễn Thùy	Dương	09/07/2009	1	6.5	5.25	3.5	15.25	XH1	
76	Huỳnh Phúc	Hậu	15/05/2009	1	6.5	6.75	6.75	20	XH1	
77	Trương Nguyễn Trúc	Hà	07/11/2009	1	6.5	4	6.75	17.25	XH1	
78	Trần Phúc	Giàu	25/03/2009	1	6.5	5.5	6.75	18.75	XH1	
79	Dương Minh	Quân	14/03/2009	1	6.5	7.75	6.25	20.5	XH1	
80	Phan Văn Trung	Thắng	02/05/2009	1	6.5	3	6	15.5	XH1	
81	Phạm Hữu	Nghĩa	08/02/2009	1	6.5	6.25	4.5	17.25	XH1	
82	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/05/2009	1	6.5	5.25	4.25	16	XH1	
83	Trương Đại	Dũng	12/05/2009	1	6.5	5.25	2.75	14.5	XH1	
84	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	11/07/2009	1	6.25	6.5	5.75	18.5	XH1	
85	Mai Huỳnh Thảo	Nhi	31/03/2009	1	6.25	5	4.25	15.5	XH1	
86	Nguyễn Hoàng Thiên	Long	18/12/2009	1	6.25	5.25	5.75	17.25	XH1	
87	Võ Ngọc Thanh	Thảo	14/11/2009	1	6.25	5.5	3.25	15	XH1	
88	Ngô Anh	Khoa	26/08/2009	1	6.25	6.25	3	15.5	XH1	
89	Nguyễn Ngọc trà	My	17/08/2009	1	6.25	5.75	2.5	14.5	XH1	
90	Lương Ngọc Trâm	Anh	09/10/2009	1	6.25	6.25	5.5	18	XH1	
91	Hồ Thị Ngọc	Tuyết	08/12/2009	1	6.25	7.75	5.5	19.5	XH1	
92	Phan Anh	Thư	22/01/2009	1	6.25	7.5	5.5	19.25	XH1	
93	Phan Thanh Cẩm	Tú	20/04/2009	1	6.25	5.75	5.25	17.25	XH1	
94	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	12/12/2009	1	6.25	5.5	6.25	18	XH1	
95	Huỳnh Ngọc Xuân	Nhi	16/03/2009	1	6.25	5.75	5.25	17.25	XH1	
96	Phạm Nguyễn Yến	Nhi	11/03/2009	1	6.25	3.25	5.25	14.75	XH1	
97	Nguyễn Ngọc	Nhân	30/06/2009	1	6.25	5.5	4.5	16.25	XH1	
98	Phan Thị Kim	Ngân	18/11/2009	1	6.25	7.25	4	17.5	XH1	
99	Đoàn Ngọc Bảo	Trân	04/07/2009	1	6	7.75	6.5	20.25	XH1	
100	Đặng Đức Thiện	Minh	26/10/2009	1	6	5.25	4	15.25	XH1	
101	Lê Võ Tường	Vy	26/08/2009	1	6	4.25	4	14.25	XH1	
102	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	21/10/2009	1	6	5.25	3	14.25	XH1	
103	Nguyễn Huỳnh Thanh	Ngọc	06/11/2009	1	6	7.75	5.25	19	XH1	
104	Trương Thị Quỳnh	Như	31/11/2009	1	6	6.5	4.25	16.75	XH1	
105	Trần Cao	Tân	11/10/2009	1	6	8.5	5.25	19.75	XH1	
106	Trần Bảo	Ngọc	19/12/2009	1	5.75	3.75	7	16.5	XH1	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	NV	Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	KQ	Ghi chú
107	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25/10/2009	1	5.75	4.25	6.75	16.75	XH1	
108	Phan Nguyễn Ngọc Tường	Vy	07/02/2009	1	5.75	6.75	5.5	18	XH1	
109	Phan Tấn	Đệ	12/11/2009	1	5.75	5.5	6.75	18	XH1	
110	Nguyễn Nhật	Hào	19/08/2009	1	5.75	6.25	4.5	16.5	XH1	
111	Trần Phú	Sang	25/03/2009	1	5.75	7.5	6.75	20	XH1	
112	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	23/10/2009	1	5.75	7	6.25	19	XH1	
113	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	22/05/2009	1	5.75	6.5	5.5	17.75	XH1	
114	Nguyễn Thụy Mai	Phương	26/02/2009	1	5.75	7	2.5	15.25	XH1	
115	Trương Thị Kiều	Mi	29/11/2009	1	5.5	8.25	7.5	21.25	XH1	
116	Bùi Nhã	Đoan	13/12/2009	1	5.5	8.25	5.5	19.25	XH1	
117	Huỳnh Trần Minh	Phát	26/01/2009	1	5.5	4.75	4.5	14.75	XH1	
118	Trương Trọng	Phúc	16/10/2009	1	5.5	7	6	18.5	XH1	
119	Trần Ngọc Lam	Kiều	26/10/2009	1	5.5	6	3.75	15.25	XH1	
120	Lê Thị Cẩm	Quỳnh	15/09/2009	1	5.5	6	3.5	15	XH1	
121	Đoàn Nguyễn Hoàng	Mai	20/07/2009	1	5.25	9	6.75	21	XH1	
122	Lê Thị Ngọc	Hân	09/01/2009	1	5.25	5	6	16.25	XH1	
123	Nguyễn Ngọc Ngân	Thương	17/12/2008	1	5.25	4.75	5.5	15.5	XH1	
124	Trần Hoài	Tiến	14/08/2009	1	5.25	5.75	4.5	15.5	XH1	
125	Lê Nguyễn Tuyết	Nhi	22/11/2009	1	5.25	7.25	7.25	19.75	XH1	
126	Trần Thị Kim	Giang	10/10/2009	1	5	4.25	7	16.25	XH1	
127	Lê Thảo	Vy	05/11/2009	1	5	5.5	3.75	14.25	XH1	
128	Đỗ Thị Mỹ	Dung	28/11/2009	1	5	3.75	7.25	16	XH1	
129	Nguyễn Hoàng	Phi	02/10/2009	1	5	3.25	7	15.25	XH1	
130	Nguyễn Phúc	Khang	12/05/2009	1	5	5.25	6	16.25	XH1	
131	Trần Thị Bảo	Xuyên	14/06/2009	1	5	5	6	16	XH1	
132	Ngô Quốc	Bảo	19/08/2009	1	5	6.5	4.25	15.75	XH1	
133	Nguyễn Trần Khánh	Thy	12/11/2009	1	4.75	7	5.25	17	XH1	
134	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	03/10/2009	1	4.75	5.5	5	15.25	XH1	
135	Trần Nhựt	Trường	09/10/2009	1	4.75	6	6.75	17.5	XH1	
136	Nguyễn Bình Đức	Tâm	15/12/2009	1	4.75	4.25	6.25	15.25	XH1	
137	Lê Quốc	Khang	19/08/2009	1	4.5	4.5	5.5	14.5	XH1	
138	Đỗ Ngọc Bạch	Vân	27/09/2009	1	4.5	7.25	5.25	17	XH1	
139	Nguyễn Tấn	Lộc	07/01/2009	1	4.5	5.5	4.25	14.25	XH1	
140	Đặng Hồng Thiên	Ngân	16/08/2009	1	4.25	5	5.5	14.75	XH1	
141	Đoàn Bảo	Long	31/08/2009	1	4.25	5.5	6	15.75	XH1	
142	Phạm Ngọc Triều	Vy	13/02/2009	1	4.25	4.5	6.25	15	XH1	
143	Huỳnh Ngọc Bảo	Thy	13/03/2009	1	4.25	9	3.75	17	XH1	
144	Nguyễn Lê	Vy	15/07/2009	1	4	5.5	4.75	14.25	XH1	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	NV	Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng	KQ	Ghi chú
145	Võ Tiến	Phát	07/11/2009	1	4	8.75	3.5	16.25	XH1	
146	Trần Bảo	Châu	25/08/2009	1	3.25	6.25	5	14.5	XH1	
147	Lê Hoàng	Long	16/10/2009	1	2	7	5.25	14.25	XH1	
148	Lê Quốc	Khang	17/10/2009	2	6.5	6.75	5.5	18.75	XH1	
149	Trần Thị Quỳnh	Như	08/06/2009	2	6.5	9	3.5	19	XH1	
150	Lê Thị Yến	Nhi	11/12/2009	2	6	6	5	17	XH1	
151	Trần Gia	Huy	19/07/2009	2	6	6.75	5	17.75	XH1	
152	Võ Huỳnh Minh	Thuận	01/04/2009	2	6	4	6.5	16.5	XH1	
153	Bạch Thái	Thịnh	04/05/2009	2	6	5.75	3.75	15.5	XH1	
154	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Long	29/09/2009	2	6	4.75	5	15.75	XH1	
155	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	30/07/2009	2	5.75	7.5	6.5	19.75	XH1	
156	Phạm Võ Yến	Vy	08/03/2009	2	5.75	5.25	5	16	XH1	
157	Mai Thị	Ngọc	15/10/2009	2	5.75	5.5	5	16.25	XH1	
158	Võ Minh	Sang	05/02/2009	2	5.75	4.25	4.75	14.75	XH1	
159	Trần Lê Quốc	Khang	07/11/2009	2	5.75	4	4.5	14.25	XH1	
160	Lê Chí	Bảo	09/01/2009	2	5.75	7.25	6.25	19.25	XH1	
161	Trần Nguyễn Đăng	Khôi	20/03/2009	2	5.75	4.5	5	15.25	XH1	
162	Lê Nguyễn Công	Danh	25/09/2009	2	5.5	4	7	16.5	XH1	
163	Võ Thị Tường	Vy	02/12/2009	2	5.5	3.5	7	16	XH1	
164	Lê Ngọc Anh	Thư	19/07/2009	2	5.5	5.25	4.75	15.5	XH1	
165	Trần Thanh	Duy	12/10/2009	2	5.5	7.5	6	19	XH1	
166	Võ Nhật	Phước	11/02/2009	2	5.25	7.5	5	17.75	XH1	
167	Lê Huỳnh Khánh	Tiên	23/10/2009	2	5	6.25	5.75	17	XH1	
168	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	23/11/2009	2	5	5.5	6	16.5	XH1	
169	Bùi Nguyễn Như	Quỳnh	28/05/2009	2	5	5	5.25	15.25	XH1	

Tổng cộng danh sách có 169 học sinh chọn nhóm Xã hội 1, biên chế 04 lớp.